

# CÔNG TY CỔ PHẦN ORIENT HEALTH-CARE TECHNOLOGIES

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ORIENT HEALTH-CARE TECHNOLOGIES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORIENT HEALTH-CARE TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109076416

**3. Ngày thành lập:** 21/01/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 186 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: hai.ta@orientholding.vn

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                           | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                        | 8299        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                   | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột ...<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632 |
| 6.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm tươi sống;<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1079 |
| 7.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2100 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659 |
| 9.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0128 |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7213 |
| 11. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: - Phòng khám đa khoa.<br>- Phòng khám chuyên khoa, bao gồm:<br>Phòng khám nội tổng hợp;<br>Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội;<br>Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông;<br>Phòng khám chuyên khoa ngoại;<br>Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt;<br>Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng;<br>Phòng khám chuyên khoa mắt;<br>Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ;<br>Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng;<br>Phòng khám chuyên khoa da liễu;<br>Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng; | 8620 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619 |

**6. Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.200.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC THÀNH    | Số 15 dãy A- D74 Công Bình, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 180.000    | 1.800.000.000         | 15,000    | 001065006998                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Tổng số                   | 180.000    | 1.800.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VŨ THÚY VINH | 254/25 Cách Mạng- Tháng 8, Phường 5, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 240.000    | 2.400.000.000         | 20,000    | 022157589                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        | Tổng số                   | 240.000    | 2.400.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                     |                                    |         |               |        |                  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | LÊ THỊ MAI<br>PHƯƠNG | Số 294 Hoàng<br>Tăng Bí, Phường<br>Đức Thắng, Quận<br>Bắc Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 432.000 | 4.320.000.000 | 36,000 | 0011630048<br>59 |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Tổng số                            | 432.000 | 4.320.000.000 | 36,000 |                  |
| 4 | TẠ QUANG<br>HAI      | Khu 5, Xã Trung<br>Vương, Thành<br>phố Việt Trì, Tỉnh<br>Phú Thọ, Việt<br>Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 228.000 | 2.280.000.000 | 19,000 | B7310814         |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Tổng số                            | 228.000 | 2.280.000.000 | 19,000 |                  |
| 5 | NGUYỄN<br>HOÀN KIẾM  | Số 231 đường<br>Trần Phú, Phường<br>Phước Ninh,<br>Quận Hải Châu,<br>Thành phố Đà<br>Nẵng, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000 | 1.200.000.000 | 10,000 | N1539330         |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                     | Tổng số                            | 120.000 | 1.200.000.000 | 10,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ MAI PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 03/08/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001163004859

Ngày cấp: 21/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 294 Hoàng Tăng Bí, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 294 Hoàng Tăng Bí, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội